TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CẨM MỸ** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2020/HSST
Ngày: 28/02/2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẨM MỸ - TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: **Bà Trương Thị Thùy Trang**

Các Hội thẩm nhân dân: **1/ Ông Vũ Xuân Vương**

2/ Bà Lại Thị Thúy Hằng

- *Thư ký phiên tòa*: **Bà Nguyễn Thị Mai Trung** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cẩm Mỹ.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Mỹ tham gia phiên tòa*: **Ông Trần Văn Sơn** - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 02 năm 2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 10/2020/TLST - HS ngày 06/02/2020 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/2020/QĐXXST - HS ngày 18/02/2020 đối với bị cáo:

Lê Đắc C (tên gọi khác: M), sinh năm 1985, tại Đồng Nai; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: ấp N, xã H, huyện T, tỉnh Đồng Nai; Nơi cư trú: không ổn định; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Thiên chúa; Nghề nghiệp: Thợ cắt tóc; Trình độ văn hóa: 7/12; con ông: không rõ và bà Lữ Thị Ánh T, sinh năm 1964; Tiền án: Không; Tiền sự: Ngày 05/02/2018, bị Toà án nhân dân huyện N áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc trong thời hạn 18 tháng. Chấp hành xong ngày 15/02/2019. Bị cáo bị tạm giữ và tạm giam từ ngày 12/12/2019 cho đến nay. (có mặt)

- Người bị hại: Thân Trương Minh D, sinh năm: 1997 (có mặt)

Địa chỉ: Ấp A, xã S, huyện C, tỉnh Đồng Nai.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Trần Q, sinh năm 1958 (vắng mặt)

Địa chỉ: khu phố S, Phường B, thành phố L, tỉnh Đồng Nai.

2. Ngô Thị T, sinh năm 1978 (vắng mặt)

Địa chỉ: khu phố T, Phường X, thành phố L, tỉnh Đồng Nai.

- Người làm chứng:

1. Nguyễn Thanh P, sinh năm 1997 (vắng mặt)
Địa chỉ: khu phố T, Phường X, thành phố L, tỉnh Đồng Nai.
2. Trương Nhật T, sinh năm 1990 (vắng mặt)
Địa chỉ: Ấp 2, xã S, huyện C, tỉnh Đồng Nai.
3. Đinh Văn Phước, sinh năm 1998 (vắng mặt)
Địa chỉ: tổ 3, khu phố B, Phường B, thành phố L, tỉnh Đồng Nai.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Bị cáo là đối tượng nghiện ma tuý và hiện không có nơi cư trú ổn định. Khoảng 13 giờ ngày 11/12/2019, bị cáo điều khiển xe mô tô biển số 60B2-322.25 đi đến nhà Trương Nhật T chơi. Sau đó, bị cáo nói T chở bị cáo đi mua đồ. Khi đi ngang qua nhà anh Thân Trương Minh D thì bị cáo thấy nhà khoá cửa nên nảy sinh ý định đột nhập vào trong trộm cắp tài sản nên bảo T dừng xe lại để bị cáo lấy áo khoác trong cốp xe. Khi T mở cốp xe ra thì bị cáo lấy áo khoác và 01 cái kìm bằng kim loại và bảo T điều khiển xe đi về trước để bị cáo tự đi mua đồ thì T đồng ý. Khi đi về phía nhà anh D thì bị cáo thấy trong nhà dựng 01 xe mô tô hiệu Honda wave @, biển số 60B6-515.58, đồng thời thấy khoá cửa chỉ móc vào khoen cửa chứ không khoá nên mở cửa ra rồi đi vào bên trong. Tại đây, bị cáo tìm thấy chìa khoá xe để trên đầu tủ lạnh nên lấy chìa khoá, dắt xe ra ngoài nổ máy tẩu thoát. Bị cáo điều khiển xe mô tô vừa chiếm đoạt được đến cửa hàng mua bán xe Q tại ấp N, phường S, thành phố L bán cho anh Trần Q được 4.300.000 đồng. Đến khoảng 20 giờ cùng ngày, khi được Công an xã S vận động thì bị cáo đã đến đầu thú, đồng thời dẫn lực lượng Công an đến cửa hàng Q thu giữ xe mô tô hiệu Honda wave ampha, biển số 60B6-515.58.

Tại bản cáo trạng số 14/CT-VKSCM ngày 06/02/2020, Viện Kiểm sát nhân huyện C đã truy tố bị cáo Lê Đắc C về tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015(sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên cáo trạng truy tố bị cáo về tội danh nêu trên và đề nghị áp dụng: khoản 1 Điều 173, điểm b, i, s khoản 1 khoản 2 Điều 51, Điều 38 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo từ 08 tháng đến 12 tháng tù; về trách nhiệm dân sự: đã giải quyết xong nên không đặt ra xem xét; về vật chứng vụ án: 01 cái kìm bằng kim loại không thu hồi được nên không xem xét; 01 xe mô tô hiệu Honda wave @, biển số 60B6-515.58 đã trả lại cho người bị hại là anh Thân Trương Minh D.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện C, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện C Kiểm sát viên, trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên toà, không ai khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, bị cáo Lê Đắc C khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội, lời khai nhận tội này phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra, phù hợp với Biên bản tiếp nhận người phạm tội đầu thú và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Như vậy, đã có đủ cơ sở kết luận: Để có tiền tiêu xài, bị cáo đã lợi dụng sự sơ hở của người quản lý tài sản để lén lút thực hiện hành vi trộm cắp tài sản. Giá trị tài sản trộm cắp theo kết luận của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện C là 16.560.000 đồng. Do đó, hành vi của bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

[3] Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không những xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác mà còn gây mất trật tự, trị an tại địa phương. Sau khi chấp hành xong Quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc, bị cáo không tu dưỡng, rèn luyện lại tiếp tục phạm tội. Vì vậy, cần cách ly bị cáo một thời gian đủ để tác dụng răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.

Tuy nhiên, trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, người phạm tội tự nguyện bồi thường thiệt hại, sau khi thực hiện hành vi phạm tội đã ra đầu thú, tại phiên tòa người bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, i, s khoản1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự được xem xét khi quyết định hình phạt đối với bị cáo.

[4] Về trách nhiệm dân sự:

- Anh Thân Trương Minh D đã nhận lại xe và không yêu cầu bồi thường gì thêm về dân sự nên không xem xét.

- Ông Trần Q đã nhận lại số tiền 4.300.000 đồng do Đinh Văn P giao nộp và bị cáo bồi thường, đồng thời không yêu cầu gì thêm nên không xem xét.

[5] Về vật chứng:

- 01 xe mô tô hiệu Honda wave @, biển số 60B6-515.58 đã trả lại cho người bị hại anh Thân Trương Minh D là phù hợp.

- Số tiền 2.000.000 đồng là tiền bán xe mà bị cáo đã nhờ Đinh Văn P giữ giùm, sau đó P đem giao nộp và Cơ quan điều tra đã trả lại cho ông Trần Q.

- 01 xe mô tô hiệu Yamaha Sirius, biển số: 60B2-322.25 là xe của chị Ngô Thị T cho con là Nguyễn Thanh P mượn để đi lại, sau đó P đã cầm xe cho bị cáo. Đến ngày 24/12/2019, chị T đã trả tiền lại cho bị cáo và nhận lại xe.

- 01 cái kìm bằng kim loại không thu hồi được nên không xem xét.

[6] Đối với anh Trương Nhật T khi điều khiển xe chở bị cáo đi không biết bị cáo thực hiện phạm tội nên không đồng phạm.

Đối với anh Đinh Văn P khi giữ số tiền bị cáo cầm xe không biết từ việc phạm tội mà có nên không phạm tội.

Đối với ông Trần Q khi mua xe mô tô hiệu Honda wave @, biển số 60B6-515.58 không biết đây là tài sản bị cáo phạm tội mà có nên không phạm tội.

[7] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

[8] Xét quan điểm của Viện Kiểm sát nhân dân huyện C phù hợp với nhận định trên nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Bị cáo **Lê Đắc C (M)** phạm tội *"Trộm cắp tài sản"*.

Áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm b, i, s khoản 1 khoản 2 Điều 51, Điều 38 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Bị cáo **Lê Đắc C (M)** 08 (tám) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ và tạm giam 12/12/2019.

2. Về án phí: áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Buộc bị cáo phải chịu 200.000 *(Hai trăm ngàn)* đồng án phí hình sự sơ thẩm.

3. Bị cáo, người bị hại được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- Sở Tư pháp tỉnh Đồng Nai;
- Công an huyện C;
- VKSND huyện C;
- THADS huyện C;
- Hồ sơ thi hành án;
- Bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HS, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trương Thị Thùy Trang